

Số: 142/2022/QĐST-HNGĐ

Hà Tĩnh, ngày 02 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Chủ tọa phiên họp: Bà Trương Thị Lệ Thu - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Lê Nữ Ngọc Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp:
Ông Nguyễn Văn Quyết – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 217/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2022 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", theo Quyết định mở phiên họp giải quyết số 143/2022/QĐ-ST ngày 21/11/2022, giữa các đương sự:

- Người yêu cầu: **Anh Trần Viết D**, sinh ngày: 06/7/1993, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm S, xã M, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh; hiện đang lao động tại Malaysia, đề nghị giải quyết vắng mặt

- Người yêu cầu: **Chị Trần Thị V**, sinh ngày: 29/01/1996, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn D, xã X, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, hiện đang lao động tại Thái Lan, đề nghị giải quyết vắng mặt

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo nội dung Đơn khởi kiện giải quyết việc ly hôn của anh Trần Viết D và ý kiến của chị Trần Thị V cùng các tài liệu có tại hồ sơ, việc Hôn nhân gia đình có nội dung:

Anh Trần Viết D và chị Trần Thị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh theo số 09/2020, ngày 14/01/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh xã M, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Trong thời gian anh Duẩn đi lao động ở nước ngoài thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống, không tin tưởng nhau. Nhận thấy, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, ly thân trong một thời gian dài, tình trạng hôn nhân không thể dung hòa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh Trần

Viết D khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết ly hôn chị Trần Thị V.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chưa tạo lập được tài sản chung, không có nợ chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, chị Trần Thị V đã gọi điện (ghi hình có âm thanh) trình bày ý kiến liên quan đến nội dung anh Trần Viết D khởi kiện như sau: Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như nội dung anh Trần Viết D trình bày trong đơn khởi kiện. Do trong thời gian sống chung, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, ly thân trong thời gian dài. Hiện nay, do khoảng cách địa lý xa xôi, không tin tưởng và không muốn hàn gắn, duy trì quan hệ vợ chồng nên chị Trần Thị V yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do công việc, điều kiện đi lại khó khăn, chị Trần Thị V không về Việt Nam giải quyết ly hôn, không cung cấp được địa chỉ cụ thể tại Thái Lan, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, ủy quyền giao nhận tài liệu cho bố đẻ là ông Trần H, địa chỉ: Thôn D, xã X, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

Tại Công văn số 31/UBND ngày 14/11/2022 của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh thể hiện nội dung: Anh Trần Viết D và chị Trần Thị V đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh theo số đăng ký 09/2020 ngày 14/01/2020, quyển số 01/2018. Quá trình chung sống anh Duẩn và chị Vĩnh có xảy ra mâu thuẫn nhưng chính quyền địa phương không biết rõ nguyên nhân, cũng chưa hòa giải hôn nhân gia đình lần nào. Anh Trần Viết D đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Chị Trần Thị V không có dữ liệu trong công an xã Mỹ Lộc, huyện Can Lộc. Anh Duẩn và chị Vĩnh chưa có con chung. Nội dung anh Trần Viết D khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận, thống nhất được với nhau và đề nghị Hội đồng giải quyết việc Hôn nhân gia đình: Căn cứ Điều 149, 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, 55, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu của các đương sự; công nhận thuận tình ly hôn của anh Trần Viết D và chị Trần Thị V, về con chung: Vợ chồng không có con

chung, không xem xét giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của anh Trần Việt D, chị Trần Thị V, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh; Thẩm phán giải quyết việc Hôn nhân gia đình nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại Công văn số 20367/QLXNC-P5 ngày 30/9/2022 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh Bộ Công an thể hiện *“Chị Trần Thị V đã xuất nhập cảnh 19 lần, lần xuất cảnh gần nhất là ngày 08/12/2021, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước”*. Căn cứ quy định tại khoản 25 Điều 3, Điều 122, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 29, 37, 39, 464 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nội dung yêu cầu của các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.2] Anh Trần Việt D và chị Trần Thị V đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[1.3] Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, quá trình làm việc, chị Trần Thị V thông qua thân nhân trình bày thống nhất với toàn bộ yêu cầu của anh Trần Việt D không tranh chấp. Do công việc, chị Vĩnh không về Việt Nam để giải quyết việc hôn nhân gia đình nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, đồng thời ủy quyền giao, nhận tài liệu cho bố đẻ là ông Trần Hòa. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng cho chị Trần Thị V thông qua người được ủy quyền và chuyển quan hệ pháp luật từ vụ án “Ly hôn” thành “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”.

[1.4] Anh Trần Việt D có văn bản đề nghị không tiến hành hòa giải. Căn cứ Điều 205, 207, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã ban hành Thông báo số 29/2022/TB-TA ngày 04/11/2022 về việc vụ việc không hòa giải được.

[1.5] Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình, Quyết định mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình cho các đương sự là thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[1.6] Tòa án yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ và tiến hành xác minh tài liệu chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp

cận, công khai chứng cứ là tuân thủ quy định tại Điều 93, 94, 95, 96, 97, 208 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Hôn nhân giữa anh Trần Viết D và chị Trần Thị V được xây dựng trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện, không trái đạo đức, thuần phong mỹ tục, đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền và tổ chức lễ cưới công khai. Căn cứ quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.1.2] Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh khi anh Trần Viết D đi lao động ở nước ngoài nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống, không tin tưởng nhau. Vợ chồng ly thân trong thời gian dài đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nhận thấy thời gian xa cách lâu ngày, tình cảm vợ chồng không được vun đắp, xây dựng nên mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh Trần Viết D và chị Trần Thị V yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2.1.3] Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn*” (khoản 1 Điều 51); “*Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn....*” (Điều 55).

[2.1.4] Xét thấy, hiện nay, tình cảm vợ chồng giữa anh Trần Viết D và chị Trần Thị V không còn. Vợ chồng không yêu thương, quan tâm đến nhau, mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Do đó, chấp nhận yêu cầu của anh Duẩn, chị Vĩnh như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp là phù hợp. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, công nhận thuận tình ly hôn của anh Trần Viết D và chị Trần Thị V là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng không có con chung, không xem xét giải quyết;

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3] Xét thấy, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận toàn bộ nội dung việc Hôn nhân gia đình; sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, công nhận thuận tình ly hôn của các đương sự.

[4] Về lệ phí: Các đương sự phải chịu lệ phí việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 146, 147, 361, 362, 367, 369, 370 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 55, 57, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của anh Trần Viết D, sinh ngày: 06/7/1993, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm S, xã M, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh; hiện đang lao động tại Malaysia và chị Trần Thị Vi, sinh ngày: 29/01/1996, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn D, xã X, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, hiện đang lao động tại Thái Lan,

2. Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về lệ phí: Áp dụng Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận sự tự nguyện nộp tiền lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng của anh Trần Viết D theo biên lai số 0000370 ngày 02 tháng 11 năm 2022 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKS, THA tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC HNGĐ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Trương Thị Lệ Thu